

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 52

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN AN
CHỨC VỤ: TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÀY: 15/03/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Kang Sang In	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	Giám đốc kế hoạch hành chính (Bỏ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc quản lý vốn
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc dự án (Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032201/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2018-072-1
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3
năm 2018

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.594.464.932.480	2.030.250.945.659
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	243.343.487.530	249.059.008.478
1. Tiền	111		202.201.382.642	207.916.903.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.142.104.888	41.142.104.888
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.673.766.741	15.781.111.111
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.d	79.673.766.741	15.781.111.111
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.197.105.114.269	1.646.102.791.414
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	215.277.276.031	537.667.740.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.531.092.682	516.055.099.071
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	1.642.856.141.040	478.307.301.956
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	344.076.832.883	122.708.878.247
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(8.636.228.367)	(8.636.228.367)
IV. Hàng tồn kho	140		71.726.747.624	69.178.898.763
1. Hàng tồn kho	141	11	71.726.747.624	69.178.898.763
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.615.816.316	50.129.135.893
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	47.513.319.577
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	2.615.816.316	2.615.816.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

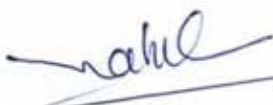
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.444.379.467.553	4.793.426.141.522
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		944.098.298.813	897.794.501.190
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	215.000.000.000	215.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	127.679.740.953	84.211.069.720
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	642.831.239.440	639.996.113.050
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	(41.412.681.580)	(41.412.681.580)
II. Tài sản cố định	220		1.385.218.770	288.589.913.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.385.218.770	1.735.660.334
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.995.554.630)	(3.645.113.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	286.854.252.927
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.840.204.896)	(771.985.951.969)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.056.590.794	659.298.967.395
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	9.056.590.794	659.298.967.395
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	4.489.608.842.456	2.892.014.291.376
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	3.401.091.217.771	994.917.549.813
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	841.772.711.553	1.551.027.945.862
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	96.244.913.132	375.228.245.116
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15.c	(29.500.000.000)	(29.159.449.415)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.d	180.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		230.516.720	55.728.468.300
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	230.516.720	55.728.468.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.038.844.400.033	6.823.677.087.181

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.124.931.127.362	3.933.862.842.391
I. Nợ ngắn hạn	310		2.462.178.292.708	1.707.977.544.396
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.a	7.176.408.945	24.638.409.210
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.292.076.837	37.778.543.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	1.391.011.476	26.738.656.830
4. Phải trả người lao động	314		1.388.874.534	33.596.414.979
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	1.487.783.457.381	1.111.148.514.441
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	922.787.716.942	450.622.334.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.358.746.593	23.454.671.099
II. Nợ dài hạn	330		2.662.752.834.654	2.225.885.297.995
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17.b	141.295.510.800	141.295.510.800
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	-	253.350.299.759
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	1.157.387.755.909	1.763.483.487.436
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	21	1.364.069.567.945	67.756.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.913.913.272.671	2.889.814.244.790
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	2.913.913.272.671	2.889.814.244.790
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.798.064.150.000	2.748.282.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.798.064.150.000	2.748.282.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		385.185.572.877	380.201.352.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		5.968.432.055	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(804.209.093.000)	(804.209.093.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.013.957.959	160.185.827.426
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		335.890.252.780	405.353.787.487
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		207.000.826.572	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		128.889.426.208	405.353.787.487
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.038.844.900.033	6.823.677.087.181


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Người lập biểu
 Ngày 22 tháng 3 năm 2018


 Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	374.526.800.000	402.834.025.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	41.193.977.678	15.576.000.000
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	333.332.822.322	387.258.025.000
4. Giá vốn hàng bán	11	24	294.309.652.907	273.927.137.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.023.169.415	113.330.888.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	448.529.516.519	1.232.023.440.777
7. Chi phí tài chính	22	26	340.628.172.487	310.716.254.134
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		315.079.997.164	303.549.320.904
8. Chi phí bán hàng	25	27	3.991.318.680	3.335.415.141
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	41.763.702.263	92.717.962.181
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		101.169.492.504	938.584.697.321
11. Thu nhập khác	31		3	457.914.455
12. Chi phí khác	32	29	3.312.594.396	6.502.246.310
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(3.312.594.393)	(6.044.331.855)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		97.856.898.111	932.540.365.466
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	138.121.346.561
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		97.856.898.111	794.419.018.905


Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng


Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	97.856.898.111	932.540.365.466
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	287.204.694.491	266.258.326.740
Các khoản dự phòng	3	340.550.585	(68.401.883.345)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(438.950.089.522)	(1.143.363.302.826)
Chi phí lãi vay	6	315.079.997.164	303.549.320.904
Các khoản điều chỉnh khác	7	16.680.964.519	(11.181.080.556)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	278.213.015.348	279.401.746.383
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(43.229.680.000)	(118.838.764.744)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	1.184.041.081
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	231.603.027.043	243.056.638.503
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.221.566.194	(688.010.808)
Tiền lãi vay đã trả	14	(261.007.414.781)	(288.813.052.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.488.187.298)	(91.247.093.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	184.312.326.506	24.055.505.147
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.787.348.858)	(571.699.472.801)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	702.000.000.000	454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.874.836.595.752)	(1.039.381.812.129)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.446.022.302.794	1.367.810.279.352
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.834.358.583.956)	(351.981.928.260)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	320.325.909.304	544.821.932.802
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.727.076.727	479.353.498.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.185.907.239.741)	429.377.042.782

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017		2016	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	9.990.000.000		
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(607.565.681.000)		
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.751.240.765.757	2.684.600.423.540		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.467.648.401.249)	(2.200.320.977.560)		
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(287.712.972.221)	(501.475.022.374)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.995.879.392.287	(614.771.257.394)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.715.520.948)	(161.338.709.465)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	249.059.008.478	410.397.717.943		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	243.343.487.530	249.059.008.478		

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KỸ THUẬT THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.798.064.150.000 đồng, chia thành 279.806.415 cổ phần (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 2.748.282.370.000 đồng được chia thành 274.828.237 cổ phần bằng nhau), mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 126 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 125).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty chính thức phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Quỹ Đầu tư Rhinos Asset Management (“RAM”) và thu về 40 triệu USD. (xem Thuyết minh số 21)

Ngày 16 tháng 1 năm 2017, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (“VPII”) lên hơn 99,99%. Như vậy, kể từ ngày 16 tháng 1 năm 2017, VPII chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (“CII B&R”) lên 54,31%, CII B&R tiếp tục trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Để cơ cấu lại danh mục đầu tư, Công ty tiếp tục mua vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“NBB”). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang nắm giữ 31.074.262 cổ phiếu NBB, chiếm tỷ lệ sở hữu là 32%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, Công ty nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (“CII E&C”) từ 49% lên 51%. Theo đó, Công ty CII E&C tiếp tục trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014 (CII41401) đã thực hiện chuyển đổi đợt 4 cho 54.766 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá 54,766 tỷ đồng thành 4.978.178 cổ phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 1:90,9. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng 49.781.780.000 đồng sau đợt chuyển đổi trái phiếu lần này.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ ra thị trường quốc tế cho INDUSTRIAL BANK OF KOREA, bên nhận ủy thác của RHINOS VIETNAM CONVERTIBLE BOND PRIVATE INVESTMENT FUND NO.2 để thu về số tiền 20 triệu USD với lãi suất trái phiếu là 1%/năm, giá chuyển đổi 38.500 đồng/cổ phiếu.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào chín (09) công ty con và ba (03) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,31%	54,31%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T. Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPIL)	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
4. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
5. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	90%	90%	Kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
7. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia (Lu Gia Land)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
9 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy ("NBB")	Tp. Hồ Chí Minh	32%	32%	Kinh doanh bất động sản
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (HNHC)	TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết thông qua các công ty con khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&R				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (SGBC)	TP. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (HNHC)	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (Ninh Thuan Invest JSC)	TP. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (BOT Ninh Thuận)	TP. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (CII Investment)	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (BOTRM)	Tỉnh Bến Tre	51,75%	51,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên doanh				
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Dankia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cù Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	64,89%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
7. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty liên kết				
1. Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	31,2%	31,2%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
2. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&C				
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C (CII E&C-BM)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C (CII E&C-CC)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (LGC) (nhận chuyển nhượng từ Công ty CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty con

1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ
-------------------------------------	-----------------	------	------	----------------------------------------------

Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	Tp. Hồ Chí Minh	99%	99%	Kinh doanh bất động sản
-------------------------------------------------------------	-----------------	-----	-----	-------------------------

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư từ sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các lợi ích khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường với mức thu được quy định bởi Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	46.116.512	1.599.783.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	202.155.266.130	206.317.119.905
Các khoản tương đương tiền	41.142.104.888	41.142.104.888
Cộng	243.343.487.530	249.059.008.478

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc từ dưới 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	215.000.000.000
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	-	36.663.160.758
Phải thu nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần CII E&C	-	285.738.310.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	277.276.031	266.269.749
	215.277.276.031	537.667.740.507
b. Dài hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	215.000.000.000
Cộng	430.277.276.031	752.667.740.507

(i) Đây là khoản phải thu về giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát cho Công ty NBB với giá trị chuyển nhượng là 430 tỷ đồng kèm theo thỏa thuận chuyển nhượng lô đất ký hiệu 3.13 với diện tích 5.823 m² tại khu đô thị mới Thủ Thiêm cho công ty Trường Thuận Phát. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình thực hiện hợp đồng BT để đòi lấy lô đất này.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho nhà thầu dự án Thủ Thiêm (i)	-	504.785.512.566
Các đối tượng khác	3.531.092.682	11.269.586.505
Cộng	3.531.092.682	516.055.099.071

(i) Số dư trả trước cho các nhà thầu liên quan đến dự án Thủ Thiêm đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm cùng với toàn bộ giá trị đầu tư của dự án đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	1.298.750.963.606	434.202.124.522
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	344.105.177.434	44.105.177.434
	1.642.856.141.040	478.307.301.956
b. Dài hạn		
Công ty NBB (ii)	102.028.743.353	58.560.072.120
Các khoản hợp tác đầu tư vốn vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
	127.679.740.953	84.211.069.720
Cộng	1.770.535.881.993	562.518.371.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CII B&R	899.036.130.000	172.174.597.320
Công ty HNHC	392.164.833.606	194.958.833.606
Công ty CII E&C	-	-
Công ty NBB	-	56.518.693.596
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	7.550.000.000	7.550.000.000
Công ty KBTT	-	3.000.000.000
	1.298.750.963.606	434.202.124.522

Các khoản cho vay của Công ty phát sinh từ mục tiêu quản lý tiền nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao hơn. Đối tượng vay chủ yếu là các bên liên quan trong nội bộ tập đoàn hoặc các đối tác chiến lược của Công ty.

(i) Khoản cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc vay bao gồm:

- Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất cho vay cố định là 10%/năm. Hạn mức cho vay là 150 tỷ VND và có thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng. Số dư của khoản cho vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 44.105.177.434 đồng. Đây là khoản cho vay theo hình thức tín chấp;
- Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 9 tháng 1 năm 2017 với số tiền cho vay là 300 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, được thanh toán vào ngày đáo hạn khoản cho vay. Bên vay cam kết sử dụng vốn vay từ hợp đồng này để đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Bộ Giao Thông Vận Tải và liên doanh các nhà đầu tư. Khoản cho vay được đảm bảo bằng toàn bộ quyền thu tiền từ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận và quyền phát triển và thực hiện dự án tại lô đất có ký hiệu 1.18 trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Số dư của khoản cho vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 300.000.000.000 đồng.;

(ii) Khoản cho Công ty NBB vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Khu căn hộ nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi. Thời hạn của hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 12 tháng 1 năm 2016. Tổng giá trị vốn góp đầu tư dự án được xác định tại ngày ký hợp đồng tối đa là 500 tỷ VND và được điều chỉnh theo thỏa thuận giữa 2 bên. Trong đó, Công ty cam kết góp 40% tổng vốn đầu tư dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	205.466.769.798	14.983.480.440
Lãi trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	130.782.984.684	72.723.872.487
Các khoản chi hộ	564.511.200	11.984.136.646
Phải thu người lao động	79.000.000	1.195.000.000
Lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	-	15.576.000.000
Các khoản phải thu khác	7.183.567.201	6.246.388.674
	344.076.832.883	122.708.878.247
b. Dài hạn		
Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	492.869.280.000	492.869.280.000
Ký cược, ký quỹ	108.549.277.860	101.822.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	41.412.681.580	41.412.681.580
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	-	3.891.873.610
	642.831.239.440	639.996.113.050
Cộng	986.908.072.323	762.704.991.297
Trong đó, phải thu các bên liên quan:	288.632.223.107	72.981.975.107
Công ty HNHC	205.489.364.467	36.939.842.455
<i>Lãi cho vay</i>	66.130.703.448	29.382.671.749
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	131.801.490.313	-
<i>Các khoản chi hộ</i>	564.511.200	564.511.200
<i>Các khoản phải thu khác</i>	6.992.659.506	6.992.659.506
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	12.000.000.000	6.222.180.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	12.000.000.000	-
<i>Cước đường bộ công ty con thu hộ</i>	-	6.222.180.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	11.939.930.556	1.136.170.139
<i>Lãi cho vay</i>	1.939.930.556	1.136.170.139
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	10.000.000.000	-
Công ty CII E&C	21.165.112.000	-
<i>Cổ tức</i>	21.165.112.000	-
Công ty NBB	38.037.816.084	4.290.189.855
<i>Lãi cho vay</i>	11.764.527.484	4.290.189.855
<i>Lợi nhuận đảm bảo của dự án Diamond Riverside</i>	26.273.288.600	-
Công ty CII B&R	-	24.393.592.658
<i>Lãi cho vay</i>	-	24.393.592.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

10. NỢ XẤU

Nội dung	31/12/2017			01/01/2017		
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
a. Ngắn hạn						
Phải thu ngắn hạn khác	8.636.228.367	-	(8.636.228.367)	8.636.228.367	-	(8.636.228.367)
b. Dài hạn						
Phải thu dài hạn khác	41.412.681.580	-	(41.412.681.580)	41.412.681.580	-	(41.412.681.580)
Cộng	50.048.909.947	-	(50.048.909.947)	50.048.909.947	-	(50.048.909.947)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí các dự án đang đầu tư	71.726.747.624	-	69.178.898.763	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
	NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
Tại ngày 31/12/2017	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	176.846.400	3.433.166.666	35.100.000	3.645.113.066
Khấu hao trong năm	-	350.441.564	-	350.441.564
Tại ngày 31/12/2017	176.846.400	3.783.608.230	35.100.000	3.995.554.630
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	-	1.735.660.334	-	1.735.660.334
Tại ngày 31/12/2017	-	1.385.218.770	-	1.385.218.770

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.464.523.400 đồng và 31 tháng 12 năm 2016 là 1.395.131.770 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017	1.058.840.204.896
Tại ngày 31/12/2017	<u>1.058.840.204.896</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	771.985.951.969
Khấu hao trong năm	286.854.252.927
Tại ngày 31/12/2017	<u>1.058.840.204.896</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	286.854.252.927
Tại ngày 31/12/2017	<u>-</u>

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao là 66%.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, doanh thu thu phí đã vượt ước tính trong phụ lục hợp đồng BOT, do đó Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 thay vì ngày 1 tháng 1 năm 2019, sớm hơn 1 năm so với phụ lục hợp đồng đã ký kết. Vì vậy Công ty đã khấu hao hết toàn bộ giá trị của quyền thu phí.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2	3.619.526.595	1.001.942.399
Các dự án khác	5.437.064.199	12.624.172.757
Dự án B.T xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (i)	-	560.963.917.404
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	-	84.708.934.835
Cộng	<u>9.056.590.794</u>	<u>659.298.967.395</u>

(i) Dự án B.T xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm là dự án được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác để phát triển mảng kinh doanh bất động sản. Trong năm 2017, Công ty đã chuyển giao giá trị xây dựng dở dang của dự án này cho Công ty KBTT và một số chi phí dở dang của các dự án bất động sản nhằm khai thác quỹ đất trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty CII B&R	104.737.912	1.250.893.797.031	-	2.456.104.036.400	-	-	-	-
Công ty KBTT	-	921.631.000.000	-	-	-	10.151.000.000	-	-
Công ty SII	32.654.750	485.383.662.063	-	718.404.500.000	32.654.750	485.383.662.063	-	878.412.775.000
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	27.000.000	270.000.000.000	-	-	27.000.000	270.000.000.000	-	-
Công ty CII E&C	21.165.112	238.752.980.331	-	520.661.755.200	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	4.860.450	69.382.887.750	-	-	4.860.450	69.382.887.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	-	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000	-	-
Công ty VP II	499.998	5.046.890.596	-	-	-	-	-	-
Cộng		3.401.091.217.771	-	3.695.170.291.600		994.917.549.813	-	878.412.775.000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty NBB	31.074.262	560.068.711.553	-	621.485.240.000	-	-	-	-
Công ty HNHC	24.870.400	248.704.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Hòa Phú	3.300.000	33.000.000.000	-	-	3.300.000	33.000.000.000	-	-
Công ty CII E&C	-	-	-	-	20.335.112	212.221.317.331	-	-
Công ty CII B&R	-	-	-	-	94.499.342	993.956.628.531	-	2.296.334.010.600
Công ty VP II	-	-	-	-	31.185.000	311.850.000.000	-	-
Cộng		841.772.711.553	-	621.485.240.000		1.551.027.945.862	-	2.296.334.010.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty SGBC	2.791.890	32.044.913.132	-		5.306.070	60.902.310.701	-	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	1.180.000	29.500.000.000	(29.500.000.000)		1.180.000	29.500.000.000	-	
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	297.000	29.700.000.000	-		297.000	29.700.000.000	-	
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000	5.000.000.000	-		5.000.000	5.000.000.000	-	
Công ty NBB		-	-	-		250.125.934.415	(29.159.449.415)	220.966.485.000
Cộng		96.244.913.132	(29.500.000.000)	-		375.228.245.116	(29.159.449.415)	220.966.485.000

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con đã niêm yết trên thị trường chứng khoán như Công ty CII B&R, Công ty SII, Công ty CII E&C được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng.

Giá trị hợp lý của các công ty còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	79.673.766.741	79.673.766.741	15.781.111.111	15.781.111.111
Dài hạn				
Đầu tư trái phiếu	180.000.000.000	180.000.000.000	-	-

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua 180 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành với tổng giá trị là 180.000.000.000 đồng, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022). Lãi suất trái phiếu được áp dụng theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm. Đây là loại trái phiếu không có tài sản đảm bảo.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	89.937.330	235.358.147
Chi phí bản quyền, phần mềm chờ phân bổ	140.579.390	396.178.278
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (i)	-	54.276.385.386
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	-	820.546.489
Chi phí chờ phân bổ khác	-	-
Cộng	230.516.720	55.728.468.300

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc mới phát sinh trong thời gian thu phí hoàn vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo doanh thu phát sinh trong năm. Phương pháp phân bổ chi phí lãi vay này đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, do Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn dự án, do đó toàn bộ chi phí lãi vay được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Ngắn hạn				
Công ty SII	2.660.462.296	2.660.462.296	23.160.462.296	23.160.462.296
Nhà cung cấp khác	4.515.946.649	4.515.946.649	1.477.946.914	1.477.946.914
	7.176.408.945	7.176.408.945	24.638.409.210	24.638.409.210
b. Dài hạn				
Công ty SII	141.295.510.800	141.295.510.800	141.295.510.800	141.295.510.800
Cộng	148.471.919.745	148.471.919.745	165.933.920.010	165.933.920.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả	Nợ gốc	Số có khả năng trả
Trong đó, phải trả cho các bên liên quan:	VND	VND	VND	VND
Công ty SII	143.955.973.096	143.955.973.096	164.455.973.096	164.455.973.096
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	355.048.709	355.048.709	236.304.816	236.304.816
Công ty CII E&C	-	-	11.332.527	11.332.527
Cộng	144.311.021.805	144.311.021.805	164.703.610.439	164.703.610.439

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Các khoản khác	2.615.816.316	-	-	2.615.816.316
Cộng	2.615.816.316	-	-	2.615.816.316
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	4.363.079.019	4.363.079.019	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.488.187.298	-	22.488.187.298	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.250.469.532	14.410.002.948	17.269.461.004	1.391.011.476
Thuế nhà thầu	-	6.174.000.000	6.174.000.000	-
Các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	26.738.656.830	24.950.081.967	50.297.727.321	1.391.011.476

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	94.058.727	-
Bảo hiểm xã hội	196.184.455	22.435.605
Bảo hiểm y tế	-	3.958.830
Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh	1.248.525.042.823	855.409.499.158
Phải trả chi phí sử dụng vốn	24.262.454.707	20.960.720.486
Phải trả lãi trái phiếu	46.525.439.626	31.705.342.288
Phải trả lãi vay ngân hàng	4.328.066.077	20.105.851.778
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	33.752.293.140	24.280.379.960
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.594.053.964	158.610.326.336
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (i)	101.641.887.273	-
Phải trả lãi chậm thanh toán	8.750.810.623	-
Các khoản phải trả khác	16.113.165.966	50.000.000
Cộng	1.487.783.457.381	1.111.148.514.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
b. Dài hạn		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (i)	-	253.350.299.759
Cộng	1.487.783.457.381	1.364.498.814.200
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.096.175.143.717</i>	<i>829.740.519.403</i>
Công ty CII B&R	283.510.066.882	253.350.299.759
<i>Vốn hợp tác đầu tư</i>	<i>101.641.887.273</i>	<i>253.350.299.759</i>
<i>Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh</i>	<i>180.748.101.513</i>	-
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	<i>1.120.078.096</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	49.551.320.948	62.139.898.409
<i>Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh</i>	<i>48.542.698.409</i>	<i>58.000.000.000</i>
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	<i>1.008.622.539</i>	<i>4.139.898.409</i>
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	86.878.959.835	171.566.736.591
<i>Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh</i>	<i>73.011.986.203</i>	<i>171.566.736.591</i>
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	<i>412.973.632</i>	-
<i>Các khoản thu hộ</i>	<i>13.454.000.000</i>	-
Công ty CII E&C	207.930.311.640	174.995.658.398
<i>Các khoản hỗ trợ vốn</i>	<i>197.574.190.058</i>	<i>174.995.658.398</i>
<i>Chi phí sử dụng vốn</i>	<i>10.356.121.582</i>	-
Công ty KBTT	436.359.648.549	75.217.627
<i>Các khoản hỗ trợ vốn</i>	<i>425.311.977.290</i>	-
<i>Chi phí sử dụng vốn</i>	<i>11.047.671.259</i>	<i>75.217.627</i>
Công ty VPII	4.253.081.497	167.612.708.619
<i>Các khoản hỗ trợ vốn</i>	<i>4.167.871.675</i>	<i>150.867.104.169</i>
<i>Chi phí sử dụng vốn</i>	<i>85.209.822</i>	<i>16.745.604.450</i>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	16.407.298.777	-
<i>Các khoản hỗ trợ vốn</i>	<i>16.100.000.000</i>	-
<i>Chi phí sử dụng vốn</i>	<i>231.777.777</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	<i>75.521.000</i>	-
Công ty SII	8.750.810.623	-
<i>Lãi trả chậm phải thanh toán</i>	<i>8.750.810.623</i>	-
Công ty SGBC	2.533.644.966	-

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII B&R để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội nhằm hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của CII B&R là 99,5% và của Công ty là 0,5% trên tổng vốn đầu tư vào dự án bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên. Vì hoạt động thu phí hoàn vốn dự án đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, do đó phần vốn gốc hợp tác đầu tư được hai bên đối chiếu, quyết toán và xác định nghĩa vụ hoàn trả lại trong năm tới

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng HD Bank	299.000.000.000	299.000.000.000	600.000.000.000	401.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	306.000.000.000	306.000.000.000	306.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	71.068.671.233	71.068.671.233	71.068.671.233	-	-	-
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	55.647.711.709	55.647.711.709	388.909.950.343	333.262.238.634	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cộng Hòa	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
Ngân hàng BIDV- CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	59.794.129.844	59.794.129.844	-	-
Ngân hàng Vietinbank CN 11 - TP. HCM	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM	-	-	29.294.715.650	29.294.715.650	-	-
Công ty TNHH MTV Chứng khoán MayBank Kim Eng	-	-	27.522.056.437	27.522.056.437	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	191.071.334.000	191.071.334.000			250.622.334.000	250.622.334.000
Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	-	-			100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	922.787.716.942	922.787.716.942	1.732.589.523.507	1.100.873.140.565	450.622.334.000	450.622.334.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng HD Bank	199.000.000.000	11 tháng	24/04/2018	10,00%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thực hiện thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội và góp vốn với NBB hợp tác đầu tư dự án Diamond Riverside	15.000.000 cổ phiếu LGC
	100.000.000.000	5 tháng	26/03/2018	10,00%	Hợp tác với CII E&C để thi công xây dựng dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Thủ Thiêm	
	299.000.000.000					
Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	200.000.000.000	12 tháng	16/08/2018	8,60%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thực hiện thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	Thế chấp bằng các cổ phiếu sau: - SII: 9.350.000 cổ phiếu - CEE: 830.000 cổ phiếu - XLHN: 24.870.400 cổ phiếu
	106.000.000.000	12 tháng	18/12/2018	9,30%	Tài trợ vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội để thực hiện công tác chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Mở rộng Xa Lộ Hà Nội và Quốc lộ 1A (Tên gọi cũ: Dự án Mở rộng Xa Lộ Hà Nội)	
	306.000.000.000					
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	71.068.671.233	12 tháng	13/02/2018	9,00%	Bổ sung vốn lưu động hợp tác dự án De Lagi với Công ty NBB	4.000.000 cổ phiếu SII và 2.000.000 cổ phiếu LGC
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	55.647.711.709	Đây là khoản thấu chi			Bổ sung vốn lưu động, mua cổ phiếu khi cần thiếu	Không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Các khoản vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Bản Việt						
- CN Sài Gòn	125.002.999.000	125.002.999.000	-	83.331.334.000	208.334.333.000	208.334.333.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	106.000.000.000	106.000.000.000	-	94.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thành phố Hồ Chí Minh	25.000.000.000	25.000.000.000	-	27.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	4.504.475.618	620.041.964.054	615.537.488.436	615.537.488.436
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. Hồ Chí Minh	-	-	-	130.991.000.000	130.991.000.000	130.991.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(191.071.334.000)	(191.071.334.000)			(250.622.334.000)	(250.622.334.000)
	64.931.665.000	64.931.665.000	4.504.475.618	955.364.298.054	956.240.487.436	956.240.487.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương- Mỹ Thuận phát hành năm 2015	462.851.000.000	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	73.696.000.000	75.000.000.000	1.304.000.000	215.000.000.000	287.392.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu CII 11709	195.909.090.909	200.000.000.000	195.909.090.909	-	-	-
Trái phiếu CII 11713	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu CII122020	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	-	-	-	157.000.000.000	157.000.000.000	157.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	1.092.456.090.909	1.097.851.000.000	557.213.090.909	372.000.000.000	807.243.000.000	809.851.000.000
Cộng vay và trái phiếu	1.157.387.755.909	1.162.782.665.000	561.717.566.527	1.327.364.298.054	1.763.483.487.436	1.766.091.487.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Bán Việt - CN Sài Gòn	125.002.999.000	3 năm	25/04/2019	Lãi suất trong kỳ là 9%-10%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	10.327.700 cổ phiếu SII
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thành phố Hồ Chí Minh	25.000.000.000	3 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,6%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	Quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các lợi ích khác trong phạm vi 10% phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn phát sinh từ Hợp đồng Đầu tư Xây dựng Cầu Sài Gòn 2.
Ngân hàng TMCP Việt Á	106.000.000.000	4 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	9.133.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ tài các cổ phiếu này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn:

Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương – Mỹ Thuận phát hành cho VIAC (No. 1) Limited Partnership

- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 462.851;
- Tổng mệnh giá: 462.851.000.000 đồng;
- Ngày phát hành: 9 tháng 7 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 42 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi sẽ được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa (i) ngày mà trái phiếu đó đã được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán đầy đủ tiền lãi và (ii) ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký hợp đồng cho đến ngày đáo hạn. Quyền hoán đổi được thực hiện cho bất kỳ trái phiếu nào đang còn lưu hành tại thời điểm đó;
- Giá hoán đổi: 10.000 ĐỒNG. Tổng số cổ phần hoán đổi do nhà nhà đầu tư nắm giữ sẽ tương đương với ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: 20% và 30% cổ phần của Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận sở hữu lần lượt bởi CII B&R và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm;
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào CII B&C, mua cổ phần SII, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

Đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính này, Công ty đã mua lại trước hạn 575 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 575 tỷ đồng.

Trái phiếu CII 11709 với tổng mệnh giá 200 tỷ đồng phát hành năm 2017

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HSC đảm bảo giao dịch (khi nhà đầu tư có nhu cầu bán lại Trái phiếu thì HSC cam kết mua, và ngược lại khi nhà đầu tư có nhu cầu mua Trái phiếu thì HSC sẵn sàng bán);
- Ngày phát hành: 25 tháng 7 năm 2017;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trái phiếu CII 11709 với tổng mệnh giá 200 tỷ đồng phát hành năm 2017 (tiếp theo)

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ;
- Kỳ hạn: 2 năm
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm thứ 1 là 8%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi doanh nghiệp bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau được công bố bởi 4 Ngân hàng: BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank +1%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII 11713 với tổng mệnh giá 300 tỷ đồng phát hành năm 2017

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo,
- Ngày phát hành: 15 tháng 8 năm 2017;
- Kỳ hạn: 2 năm
- Lãi trái phiếu: 10,5%/năm
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

Trái phiếu CII 122020 với tổng mệnh giá đăng ký phát hành là 300 tỷ đồng

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành thành công 60 tỷ đồng. Thông tin chi tiết như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 600;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo,
- Ngày phát hành: 29 tháng 12 năm 2017;
- Kỳ hạn: 3 năm
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho 2 kỳ đầu tiên 10%/năm; các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu của kỳ xác định lãi suất đó cộng 3,3%/năm
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.
- Tài sản đảm bảo: 7.000.000 cổ phiếu CEE và quyền sử dụng đất đối với Lô đất 3-6 có diện tích 9.473,8 m² thuộc khu chức năng số 3 trong khu đô thị mới Thủ Thiêm đồng thời Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thực hiện bảo lãnh không hủy ngang tất cả các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	191.071.334.000	250.622.334.000
Trong năm thứ hai	64.931.665.000	275.773.333.334
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	680.467.154.102
	256.002.999.000	1.206.862.821.436
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(191.071.334.000)	(250.622.334.000)
Cộng	64.931.665.000	956.240.487.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trái phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	100.000.000.000
Trong năm thứ hai	962.851.000.000	57.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	135.000.000.000	752.851.000.000
Sau năm năm	-	-
	1.097.851.000.000	909.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	(100.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(5.394.909.091)	(2.608.000.000)
Cộng	1.092.456.090.909	807.243.000.000

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2016 cho RAM	1.351.079.567.945	1.357.048.000.000	1.351.079.567.945	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014	12.990.000.000	12.990.000.000	-	54.766.000.000	67.756.000.000	67.756.000.000
Cộng	1.364.069.567.945	1.370.038.000.000	1.351.079.567.945	54.766.000.000	67.756.000.000	67.756.000.000

Các trái phiếu chuyển đổi đáo hạn theo lịch biểu sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	12.990.000.000	-
Trong năm thứ hai	454.568.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	902.480.000.000	67.756.000.000
Cộng	1.370.038.000.000	67.756.000.000
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(5.968.432.055)	-
Cộng	1.364.069.567.945	67.756.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chuyển đổi chưa đáo hạn vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng:

Trái phiếu CII 41404 phát hành tháng 6 năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000 đồng;
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.081.846.000.000 đồng;
- Thời gian phát hành: tháng 6 năm 2014
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.

Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.

- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu để đầu tư vào Công ty CII E&C với số tiền là 120 tỷ đồng, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007 với số tiền là 500 tỷ đồng và bổ sung vốn lưu động cho Công ty là 58,615 tỷ đồng. Số tiền còn lại 403.010.473.556 đồng được đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã giải ngân 88,69 tỷ đồng cho dự án này. Sau khi có đầy đủ hồ sơ pháp lý dự án, Công ty sẽ góp tiếp số tiền là 314,31 tỷ đồng cho dự án theo đúng phương án phát hành. Trong thời gian chờ giải ngân tiếp, để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn được hiệu quả, số tiền còn lại đang được gửi tiết kiệm tại ngân hàng là 144,5 tỷ đồng (*xem khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền*) và số tiền còn lại tạm thời Công ty đang hỗ trợ cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (XLHN) để đảm bảo năng lực thi công cho dự án đầu tư mở rộng Xa Lộ Hà Nội trong thời gian chưa giải ngân được vốn vay từ ngân hàng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã tiến hành 4 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu là 1.068.856, tương đương tổng mệnh giá là 1.068.856.000.000 đồng, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 97.158.597 cổ phiếu.

Trái phiếu phát hành cho RAM

- Mệnh giá: 100.000 Đô la Mỹ;
- Số lượng chào bán: 600 trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Quỹ đầu tư Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 thông qua các nhà đầu tư được ủy thác là Keb Hana Bank Trustee and Custodian Business (40 triệu USD) và Industrial Bank Of Korea (20 triệu USD);
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành và có thể được gia hạn năm (05) lần mỗi lần một (01) năm;
- Ngày phát hành: ngày 5 tháng 1 năm 2017 đối với đợt phát hành 40 triệu USD cho RAM thông qua Keb Hana Bank Trustee and Custodian Business và ngày 11 tháng 7 năm 2017 đối với đợt phát hành 20 triệu USD thông qua Industrial Bank Of Korea;
- Lãi trái phiếu: 1%/năm, được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành cho RAM (tiếp theo)

- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Trái chủ: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, với lãi suất tính giá mua lại là 3%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Tổ chức phát hành: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, Công ty được quyền mua lại tối đa 50% số mệnh giá trái phiếu đã phát hành với lãi suất tính giá mua lại là 4,5%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Trái phiếu được phép chuyển đổi sau một (01) năm kể từ ngày phát hành với tỷ giá quy đổi là 22.660 VND/USD và giá chuyển đổi là 38.500 đồng/cổ phần. Mệnh giá trái phiếu chuyển đổi tối thiểu là 500.000 Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Tổ chức phát hành: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, Công ty được quyền mua lại tối đa 50% số mệnh giá trái phiếu đã phát hành với lãi suất tính giá mua lại là 4,5%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ;
- Trái phiếu được phép chuyển đổi sau một (01) năm kể từ ngày phát hành với tỷ giá quy đổi là 22.660 VND/USD và giá chuyển đổi là 38.500 đồng/cổ phần. Mệnh giá trái phiếu chuyển đổi tối thiểu là 500.000 Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ;
- Mục đích sử dụng vốn: tài trợ cho dự án hạ tầng BT ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm bằng cách góp vốn vào Công ty TNHH Khu MTV Bắc Thủ Thiêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2016	2.280.640.380.000	150.831.459.777	-	(196.643.412.000)	119.870.298.143	39.668.146.137	2.394.366.872.057
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	457.641.990.000	229.369.893.100	-	-	-	-	687.011.883.100
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	794.419.018.905	794.419.018.905
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(607.565.681.000)	-	-	(607.565.681.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(328.435.226.600)	(328.435.226.600)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R	-	-	-	-	-	(19.667.092.389)	(19.667.092.389)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	40.315.529.283	(80.631.058.566)	(40.315.529.283)
Tại ngày 01/01/2017	2.748.282.370.000	380.201.352.877	-	(804.209.093.000)	160.185.827.426	405.353.787.487	2.889.814.244.790
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	49.781.780.000	4.984.220.000	-	-	-	-	54.766.000.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	5.968.432.055	-	-	-	5.968.432.055
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	97.856.898.111	97.856.898.111
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(132.696.699.849)	(132.696.699.849)
Hoàn nhập lợi nhuận hợp tác đầu tư đã chia cho CII B&R (i)	-	-	-	-	-	31.032.528.097	31.032.528.097
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	32.828.130.533	(65.656.261.066)	(32.828.130.533)
Tại ngày 31/12/2017	2.798.064.150.000	385.185.572.877	5.968.432.055	(804.209.093.000)	193.013.957.959	335.890.252.780	2.913.913.272.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

- (i) Khi kết thúc thu phí hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc, Công ty và CII B&R đã thực hiện quyết toán kết quả kinh doanh của hợp đồng BCC về việc cùng khai thác thu phí hoàn vốn dự án này. Đây là số lợi nhuận Công ty thu lại từ CII B&R do đã chia trong các năm trước theo kết quả quyết toán cuối cùng của hợp đồng BCC.

Cổ phần

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	279.806.415	274.828.237
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	279.806.415	274.828.237
+ Cổ phần phổ thông	279.806.415	274.828.237
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(33.561.510)	(33.561.510)
+ Cổ phần phổ thông	(33.561.510)	(33.561.510)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	246.244.905	241.266.727
+ Cổ phần phổ thông	246.244.905	241.266.727
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức năm 2016 đợt 3 với tỷ lệ 5,5% tương ứng với số tiền 132.696.699.850 đồng cho 241.266.727 cổ phiếu.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017	2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thu phí giao thông trạm Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc		
Doanh thu quý 1	91.275.875.000	96.935.710.000
Doanh thu quý 2	91.088.160.000	100.913.420.000
Doanh thu quý 3	102.445.230.000	103.664.835.000
Doanh thu quý 4	89.717.535.000	101.320.060.000
	374.526.800.000	402.834.025.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(41.193.977.678)	(15.576.000.000)
Hàng bán bị trả lại	(21.726.104.068)	-
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(19.467.873.610)	(15.576.000.000)
Doanh thu thuần	333.332.822.322	387.258.025.000

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017	2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông	286.854.252.927	265.870.456.500
Chi phí duy tu trạm thu phí giao thông	7.455.399.980	8.056.680.500
Cộng	294.309.652.907	273.927.137.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	271.429.873.222	251.830.505.047
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	135.786.188.924	75.591.855.574
Lãi phát sinh từ các dự án hợp tác đầu tư	26.273.288.600	21.068.643.058
Lãi chậm thanh toán	3.978.112.304	-
Lợi nhuận từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	59.451.706	457.828.915.232
Lợi nhuận từ việc hoán đổi cổ phiếu LGC với trái phiếu phát hành cho MPTC	-	423.972.481.761
Lãi đầu tư trái phiếu	11.001.388.889	1.731.040.105
Doanh thu tài chính khác	1.212.874	-
Cộng	448.529.516.519	1.232.023.440.777
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan</i>	405.537.600.218	302.692.301.157
Cổ tức, lợi nhuận được chia	271.337.389.222	249.772.042.230
<i>Công ty CII B&R</i>	100.548.395.520	173.598.694.720
<i>Công ty CII E&C</i>	21.165.112.000	717.817.241
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</i>	12.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia</i>	10.000.000.000	-
<i>Công ty KBTT</i>	20.500.000.000	-
<i>Công ty HNHC</i>	51.663.798.499	-
<i>Công ty NBB</i>	28.614.393.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ</i>	13.600.000.000	17.000.000.000
<i>Công ty VPII</i>	9.741.264.428	33.827.062.500
<i>Công ty SGBC</i>	3.504.425.775	24.628.467.769
Lãi tiền cho vay	96.925.533.507	52.920.258.927
<i>Công ty CII B&R</i>	39.615.418.531	19.819.306.620
<i>Công ty CII E&C</i>	13.695.387.514	9.531.942.201
<i>Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia</i>	803.760.417	781.152.361
<i>Công ty KBTT</i>	2.898.525.000	-
<i>Công ty HNHC</i>	25.746.642.810	16.944.094.549
<i>Công ty NBB</i>	14.033.577.013	5.843.763.196
<i>Công ty SH</i>	132.222.222	-
Lãi đầu tư trái phiếu	11.001.388.889	-
<i>Công ty HNHC</i>	11.001.388.889	-
Lãi phát sinh từ các dự án hợp tác đầu tư	26.273.288.600	-
<i>Công ty NBB</i>	26.273.288.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	315.079.997.164	303.549.320.904
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	4.497.915.550	16.956.986.986
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	340.550.585	21.786.450.980
Lãi chậm thanh toán	9.579.426.997	89.114.683.406
Chi phí bồi hoàn tổn thất cho nhà đầu tư	8.750.810.623	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất cho nhà đầu tư	-	12.615.678.540
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm trước của trái phiếu chuyển đổi bằng ngoại tệ	-	(97.516.694.445)
Chi phí tài chính khác	-	(42.205.116.900)
Cộng	2.379.471.568	6.414.944.663
	340.628.172.487	310.716.254.134
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan:</i>		
Chi phí lãi vay	92.258.135.493	53.623.071.940
Công ty CII B&R	83.507.324.870	53.623.071.940
Công ty CII E&C	18.499.026.929	15.292.747.961
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	25.704.823.129	2.824.029.133
Công ty KBTT	231.777.777	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	11.047.671.259	-
Công ty NBB	5.011.422.539	5.419.777.778
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	11.397.640.269	14.954.368.582
Công ty VPPI	11.614.962.968	15.021.792.228
Công ty SGBC	-	110.356.258
Lãi chậm thanh toán	8.750.810.623	-
Công ty SII	8.750.810.623	-

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí in vé thu phí giao thông	1.531.036.489	676.710.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.460.282.191	2.658.704.565
Cộng	3.991.318.680	3.335.415.141
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.460.282.191	2.658.704.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.375.666.459	86.066.121.114
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	613.104.250
Chi phí khấu hao	203.008.064	387.870.240
Thuế, phí và lệ phí	422.458.045	751.403.825
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	379.536.324	(5.287.318.420)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.320.068.176	7.436.655.641
Chi phí bằng tiền khác	1.062.965.195	2.750.125.531
Cộng	41.763.702.263	92.717.962.181

29. CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Các khoản chi phí dự án bị truy thu theo kết luận của thanh tra Chính Phủ	3.286.470.000	-
Các khoản phạt vi phạm thuế	-	6.502.246.310
Các khoản chi phí khác	26.124.396	-
Cộng	3.312.594.396	6.502.246.310

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.856.898.111	932.540.365.466
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không được trừ	7.835.171.618	16.655.512.837
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(297.703.161.822)	(370.415.842.550)
Thu nhập chịu thuế	(192.011.092.093)	578.780.035.753
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	115.756.007.151
Thuế TNDN năm trước bổ sung	-	22.365.339.410
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	138.121.346.561

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	32.375.666.459	86.066.121.114
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	613.104.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	287.057.260.991	266.258.326.740
Thuế, phí và lệ phí	422.458.045	751.403.825
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	379.536.324	(5.287.318.420)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.690.858.424	17.187.015.445
Chi phí bằng tiền khác	1.062.965.195	2.750.125.531
Cộng	334.988.745.438	368.338.778.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Công ty là các công ty con, công ty liên doanh liên kết do Công ty thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp qua các công ty con khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 1- Cấu trúc Công ty. Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan

	2017 VND	2016 VND
Công ty CII B&R		
Cho vay	549.577.380.000	18.400.000.000
Thu hồi tiền cho vay	54.650.000.000	77.141.750.000
Chia lợi nhuận/(lỗ) liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	(31.032.528.097)	19.667.092.389
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	197.045.000.000	426.400.000.000
Hoàn trả vốn công ty con hỗ trợ	245.332.569.783	340.027.411.448
Công ty SII		
Nhận đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	-	32.250.000.000
Chuyển nhượng cổ phần trong công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	-	119.515.788.611
Tăng giá trị chuyển nhượng dự án Diamond	-	4.407.263.568
Thanh toán giá trị chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	20.500.000.000	115.480.000.000
Cho vay	40.000.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	40.000.000.000	-
Công ty CII E&C		
Cho vay	968.813.888.889	841.900.000.000
Thu hồi tiền cho vay	759.975.609.198	951.393.706.786
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	247.000.000.000	260.369.004.831
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	15.583.188.649	68.296.016.485
Thanh toán tiền thi công dự án Thủ Thiêm	-	181.464.045.114
Thực hiện cản trừ công nợ vay và cho vay	213.845.387.514	-
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Nhận tiền để ký quỹ hộ thực hiện dự án	13.454.000.000	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê văn phòng	241.344.967	230.680.661
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Hoàn trả vốn hỗ trợ kinh doanh	9.457.301.591	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Góp vốn trong năm	-	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lãi cho vay phải thu trong năm	39.615.418.531	19.819.306.620
Lãi vay phải trả	18.499.026.929	15.292.747.961
Công ty KBTT		
Góp vốn trong năm	911.480.000.000	10.151.000.000
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	461.911.977.290	-
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	36.600.000.000	-
Chuyển giao dự án Bắc Thủ Thiêm	1.149.819.808.910	-
Cho vay	466.568.000.000	3.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	469.568.000.000	-
Chi hộ công ty con	-	200.000.000
Công ty VPII		
Công ty con mua lại cổ phần để giảm vốn điều lệ	624.998.020.000	-
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	123.000.000.000	-
Hoàn trả vốn hỗ trợ kinh doanh	303.526.294.994	-
Công ty HNHC		
Cho vay	221.616.000.000	63.819.000.000
Thu hồi tiền cho vay	24.410.000.000	-
Đầu tư trái phiếu	180.000.000.000	-
Công ty SGBC		
Bán cổ phiếu quỹ	28.857.397.569	28.857.397.568
Công ty NBB		
Chuyển nhượng công ty con	-	430.000.000.000
Góp vốn hợp tác đầu tư dự án Lagi	71.068.671.233	58.560.072.120
Thu hồi tiền cho vay	84.118.693.596	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm		
	2017	2016
	VND	VND
Lương	4.333.926.023	8.060.111.498
Thưởng	16.490.026.935	16.182.565.689
Cộng	20.823.952.958	24.242.677.187


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	2017 VND	2016 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Chuyển giao dự án xây dựng cơ bản dở dang cho công ty con thông qua việc cần trừ công nợ	90.904.970.004	-
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	54.766.000.000	687.011.883.100
Hoán đổi trái phiếu cho cổ phiếu công ty con	-	1.020.000.000.000
Chuyển giao khoản vay ngân hàng cho công ty con	620.041.964.054	-
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	1.519.007.571.524	315.151.000.000
Chi đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	315.351.012.432	32.250.000.000
Chi đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác	-	4.580.928.260
Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Thu từ chuyển nhượng công ty con	289.775.874.010	286.782.290.000
Thu từ chuyển nhượng công ty liên doanh, liên k	5.408.235.294	78.309.046.000
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.141.800.000	179.730.596.802
Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.737.093.999.125	1.697.851.418.709
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	560.000.000.000	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu hoán đổi	-	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	1.357.048.000.000	-
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	1.097.098.766.632	986.749.004.831
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.436.195.474.565	1.464.823.431.945
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	372.000.000.000	273.000.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	659.452.926.684	462.497.545.615


 Nguyễn Thị Tuyết Nhung
 Người lập biểu
 Ngày 22 tháng 3 năm 2018


 Nguyễn Thị Mai Hương
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Bình
 Tổng Giám đốc

Số: 134/2018/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

V/v: giải trình chênh lệch sau kiểm toán báo
cáo tài chính công ty mẹ năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu chủ yếu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (số liệu kiểm toán) so với báo cáo tài chính công ty mẹ quý 4/2017 đã lập (số liệu trước kiểm toán) như sau:

1. Bảng cân đối kế toán: có sự chênh lệch điều chỉnh giảm tài sản/nguồn vốn sau kiểm toán là do cần trừ công nợ khoản phải thu ngắn hạn với khoản nợ phải trả ngắn hạn khác của bên liên quan, chi tiết như sau:

ĐVT: đồng

Tài sản	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	1.851.694.420.731	1.642.856.141.040	(208.838.279.691)
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	348.818.866.035	344.076.832.883	(4.742.033.152)
C. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn				
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.701.628.844.895	1.487.783.457.381	(213.580.312.843)

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: không có sự chênh lệch số liệu trọng yếu sau kiểm toán.
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: có sự chênh lệch chủ yếu ở một số chỉ tiêu trước và sau kiểm toán như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(446.405.430.190)	(438.950.089.522)	7.455.340.668
Chi phí lãi vay	06	321.806.150.201	315.079.997.164	(6.726.153.037)
Các khoản điều chỉnh khác	07	9.092.000.000	16.680.964.519	7.588.964.519
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				



Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(879.959.268.450)	(43.229.680.000)	836.729.588.450
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.500.402.444	-	(3.500.402.444)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	942.549.887.911	231.603.027.043	(710.946.860.869)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.743.819.795)	1.221.566.194	3.965.385.989
Tiền lãi vay đã trả	14	(238.714.547.363)	(261.007.414.781)	(22.292.867.417)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.943.653.929)	(22.787.348.858)	1.156.305.071
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	792.954.970.004	702.000.000.000	(90.954.970.004)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.435.766.128.245)	(2.874.836.595.752)	(1.439.070.467.507)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	427.076.075.350	1.446.022.302.794	1.018.946.227.444
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.081.967.045.147)	(1.834.358.583.956)	247.608.461.191
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	699.267.906.404	320.325.909.304	(378.941.997.100)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	166.212.580.532	77.727.076.727	(88.485.503.805)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.064.438.965.251	4.751.240.765.757	686.801.800.506
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.397.767.563.174)	(2.467.648.401.249)	(69.880838.075)



Nguyên nhân có sự thay đổi là do kiểm toán điều chỉnh lại một số chỉ tiêu cho đúng bản chất dòng tiền:

- Mã số 05: điều chỉnh tăng (7,4 tỷ đồng) chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính.
- Mã số 06: điều chỉnh giảm (6,7 tỷ đồng) chi phí lãi chậm thanh toán khoản đầu tư góp vốn vào dự án.
- Mã số 07: điều chỉnh loại trừ biến động khoản phải thu dài hạn (3,9 tỷ đồng) và chi phí tài chính hình thành trong tương lai (4,1 tỷ đồng).
- Mã số 09, chênh lệch là do:
 - + điều chỉnh khoản nợ vay ra khỏi dòng tiền trả nợ vay: 131 tỷ đồng;
 - + điều chỉnh dòng tiền chi cho vay ngắn hạn 1.435,8 tỷ đồng (mã số 23) và dòng tiền thu hồi cho vay ngắn hạn 1.016,1 tỷ đồng (mã số 24);
 - + điều chỉnh giảm một phần dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn (mã số 26): 3,9 tỷ đồng, loại trừ khoản chi phí tài chính hình thành trong tương lai ra khỏi dòng tiền: 4,1 tỷ đồng (nêu tại mã số 07) và biến động khoản dự phòng phải thu với số tiền là 7,8 tỷ đồng;
 - + điều chỉnh giảm tiền lãi phải thu các khoản cho vay (mã số 27): 88,5 tỷ đồng.
- Mã số 10: do loại trừ biến động của khoản lãi vay phải trả vì khoản này đã được đưa vào mã số 06.
- Mã số 11, chênh lệch là do:
 - + điều chỉnh dòng tiền từ thanh lý các khoản đầu tư vốn vào công ty khác 90,9 tỷ đồng (mã số 22);

- + điều chỉnh 3,9 tỷ đồng tiền chi phí trả trước dài hạn;
- + điều chỉnh các khoản phải trả ngắn hạn, trong đó điều chỉnh dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 248,7 tỷ đồng (mã số 25) và dòng tiền thu hồi đầu tư 378,9 tỷ đồng (mã số 26);
- + điều chỉnh dòng tiền thu từ đi vay 686,8 tỷ đồng (mã số 33) và điều chỉnh giảm tiền chi trả nợ vay 69,9 tỷ đồng (mã số 34);
- + điều chỉnh các khoản phải trả dài hạn khác (138,9 tỷ đồng);
- Mã số 12: chênh lệch là do điều chỉnh giảm chi phí trả trước dài hạn (3,9 tỷ đồng) như đã nêu tại mã số 11.
- Mã số 14: chênh lệch là do điều chỉnh khoản chi phí lãi vay phải trả 22,2 tỷ đồng.
- Mã số 21: loại trừ khoản chuyển giao chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án 1,1 tỷ đồng.
- Mã số 22, mã số 25, mã số 26, mã số 33 và mã số 34: chênh lệch là do điều chỉnh dòng tiền như đã nêu tại mã số 11 nêu trên.
- Mã số 23: chênh lệch là do điều chỉnh dòng tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (3,2 tỷ đồng) và điều chỉnh dòng tiền chi cho vay ngắn hạn (1.435,8 tỷ đồng) như đã nêu tại mã số 09.
- Mã số 24: chênh lệch là do điều chỉnh dòng tiền thu đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (2,8 tỷ đồng) và dòng tiền thu hồi cho vay ngắn hạn 1.016,1 tỷ đồng như đã nêu tại mã số 09.
- Mã số 27: chênh lệch là do điều chỉnh giảm 88,5 tỷ đồng tiền lãi phải thu các khoản cho vay như đã nêu tại mã số 09 nêu trên.

Trân trọng,



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP, P.TC-KT